

Số: 207/QĐ-SNV

Ninh Bình, ngày 04 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai điều chỉnh dự toán ngân sách Nhà nước
năm 2025 của cơ quan Sở Nội vụ tỉnh Ninh Bình

GIÁM ĐỐC SỞ NỘI VỤ TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 14/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương tỉnh Ninh Bình năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 183/QĐ-SNV ngày 21/3/2025 của Sở Nội vụ tỉnh Ninh Bình về việc điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương năm 2025;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu điều chỉnh dự toán ngân sách Nhà nước năm 2025 của cơ quan Sở Nội vụ tỉnh Ninh Bình.

(Chi tiết theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng chuyên môn và tương đương thuộc Sở Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- Đ/c GD; PGD phụ trách;
- Lưu: VT, VP.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Thị Bình

Đơn vị: Sở Nội vụ
Chương: 435

CÔNG KHAI DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
CỦA SỞ NỘI VỤ TỈNH NINH BÌNH

(Kèm theo Quyết định số 207/QĐ-SNV ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Sở Nội vụ tỉnh Ninh Bình)

DVT: đồng

Stt	Nội dung	Dự toán được giao
A	Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	250.000.000
1	Tổng số thu phí, lệ phí	250.000.000
	Lệ phí cấp giấy phép cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	250.000.000
2	Số phí, lệ phí nộp NSNN	250.000.000
	Lệ phí cấp giấy phép cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	250.000.000
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	52.007.000.000
1	Quản lý hành chính	23.405.000.000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	15.960.000.000
1.2	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ	7.445.000.000
2	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	281.000.000
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	281.000.000
3	Chi sự nghiệp kinh tế	50.000.000
	Nguồn kinh phí giao không tự chủ	50.000.000
4	Chi đảm bảo xã hội	28.271.000.000
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2.788.000.000
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	25.483.000.000